

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TRỌNG DỤNG TRI THỨC VÀ NHỮNG GỢI MỞ CHO HÔM NAY

VŨ TRUNG KIÊN*

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trí thức và khi giữ cương vị là người đứng đầu đất nước, Người rất quan tâm đến trí thức và vấn đề trí thức. Tư tưởng về trí thức của Hồ Chí Minh đã được hình thành ngay từ khi Người còn hoạt động ở nước ngoài và được thể hiện rõ nhất sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhất là trong việc thành lập các Chính phủ lúc bấy giờ. Từ tư tưởng trọng dụng trí thức, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quy tụ xung quanh mình rất nhiều những trí thức nổi tiếng toàn tâm, toàn ý vì đất nước và nhân dân. Thực hiện tư tưởng trọng dụng trí thức của Hồ Chí Minh, những năm gần đây, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm thu hút và trọng dụng đội ngũ này.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về trí thức và trọng dụng trí thức

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình trí thức. Thân sinh của Người là cụ Nguyễn Sinh Sắc, đỗ Phó bảng năm Tân Sửu niên hiệu Thành Thái thứ 13 (năm 1901). Bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là một trí thức vì Người đã từng học Trường Quốc học Huế; khi ra đi tìm đường cứu nước, ở Pháp, Người đã viết thư xin vào học Trường Thuộc địa của Pháp. Sau này, Người cũng đã từng là nghiên cứu sinh ở Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản. Mặc dù con đường học tập bị dang dở do yêu cầu của hoạt động cách mạng, song xét về mọi khía cạnh và theo những quan niệm hiện nay về trí thức, thì Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trí thức với đúng nghĩa của từ này. Có lẽ vì vậy mà ngay từ khi còn hoạt động ở nước ngoài cho đến khi về nước lãnh đạo cách

mạng Việt Nam, Người luôn luôn quan tâm đến vấn đề trí thức và trọng dụng trí thức.

Ngay khi nước nhà mới giành được độc lập, để tìm người tài đức ra gánh vác việc nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài *Nhân tài và kiến quốc* đăng trên báo *Cứu quốc* ngày 14-11-1945, với quan điểm: “Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều”⁽¹⁾. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, mặc dù trong bối cảnh đất nước đứng trước vô vàn khó khăn, thách thức của những công việc cần kíp giải quyết sau ngày độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghĩ đến

* Học viện Chính trị khu vực II

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 114

việc mời các chuyên gia, các nhà khoa học người Việt Nam và cả nước ngoài về Việt Nam cộng tác, làm việc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra nguyên lý cần có cho sự phát triển của đất nước sau khi giành được độc lập, trong cuộc trả lời phỏng vấn của nhà báo nước ngoài: “Chúng tôi cần có tư bản, trí thức và lao động... chúng tôi rất hoan nghênh tư bản Pháp và tư bản các nước cộng tác thật thà với chúng tôi”⁽²⁾. Cũng trong cuộc trả lời nhà báo nước ngoài này, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc. Ở nước khác như thế, ở Việt Nam càng như thế. Chứng thực là trong cuộc kháng chiến cứu quốc này, những người trí thức Việt Nam đã chung một phần quan trọng. Một số thì trực tiếp tham gia vào công việc kháng chiến, hy sinh cực khổ, chen vai thích cánh với bộ đội nhân dân. Một số thì hăng hái hoạt động giúp đỡ ở ngoài”⁽³⁾.

Ngày 20-11-1946, trong tình thế “nước sôi lửa bỏng” của đất nước khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, trên báo *Cứu quốc* số 411 đã đăng Thông lệnh *Tìm người tài đức* của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài có đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó tôi xin thừa nhận. Nay muốn sửa điều đó, và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân, thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết. Báo cáo phải nói rõ: tên tuổi, nghề nghiệp, tài năng, nguyện vọng và chỗ ở của người đó. Hạn trong một tháng, các cơ quan địa phương phải báo cáo cho đủ”⁽⁴⁾. Phát biểu trong buổi khai mạc lớp chỉnh huấn cán bộ đảng, dân, chính ở cơ quan trung ương

ngày 6-2-1953, khi có những ý kiến cho rằng Chính phủ không trọng dụng trí thức, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích rõ rằng đó là thành kiến không đúng và Người cho rằng có một số anh em trí thức cũng hiểu như vậy. Theo Người, suy nghĩ đó chưa đúng đắn, những đảng cách mạng càng cần trí thức vì: “muốn phát triển văn hóa thì phải cần thầy giáo, muốn phát triển sức khỏe của nhân dân thì phải cần thầy thuốc, muốn phát triển kỹ nghệ phải cần các kỹ sư,...”⁽⁵⁾. Tuy nhiên, Người cũng khẳng định trí thức đáng trọng phải là trí thức “hết lòng phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân”⁽⁶⁾.

Mặc dù rất tôn trọng và đánh giá cao vai trò của trí thức, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà thực hành và lấy hiệu quả công việc cụ thể làm thước đo, nên Người đề cao và đánh giá những trí thức thực học, thực nghiệp, tức là người có những đóng góp thiết thực, cụ thể cho đất nước, cho nhân dân và cho xã hội bằng những sáng kiến, công trình. Trong tác phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*”, Người khẳng định: “Trí thức là hiểu biết... Một người học xong đại học, có thể gọi là trí thức. Song y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức *một nửa*. Trí thức của y là trí thức *học sách*, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành một người trí thức hoàn toàn, thì phải biết đem cái trí thức đó áp dụng vào *thực tế*”⁽⁷⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định việc dùng nhân tài không nên quá khắt khe, miễn họ có lòng trung thành với Tổ quốc,

(2), (3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 184

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 504

(5), (6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 8, tr. 53

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 275

không phản bội lại quyền lợi nhân dân là có thể dùng được. Người cho rằng những người “tài to ta dùng làm việc to, tài nhỏ ta cất làm việc nhỏ, ai có năng lực về việc gì, ta đặt ngay vào việc ấy”⁽⁸⁾. Người còn căn dặn có rất nhiều nhân tài ngoài Đảng và chúng ta không được bỏ rơi họ, xa cách họ. Chúng ta phải thật thà đoàn kết với họ, nâng đỡ họ. Phải thân thiết với họ, gần gũi họ, đem tài năng của họ giúp ích vào công cuộc kháng chiến cứu nước.

Tư tưởng trọng dụng nhân tài, trọng dụng trí thức của Hồ Chí Minh được thể hiện rõ nét nhất trong bản *Chương trình của Mặt trận Việt Minh*. Theo đó, *Việt Nam độc lập đồng minh*: “Chủ trương liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân không phân biệt tôn giáo, đảng phái, xu hướng chính trị nào, giai cấp nào, đoàn kết chiến đấu để đánh đuổi Pháp - Nhật giành quyền độc lập cho xứ sở... Sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp, Nhật, sẽ thành lập một chính phủ nhân dân của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”⁽⁹⁾. Đã có rất nhiều những câu chuyện sống động nổi tiếng trong việc thu phục trí thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành những bài học cho mai sau. Ngay sau khi vua Bảo Đại thoái vị, ông đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời làm cố vấn tối cao của Chính phủ, được giới thiệu ứng cử Đại biểu Quốc hội tại đơn vị bầu cử tỉnh Thanh Hóa và được chỉ định là thành viên Ban soạn thảo Hiến pháp khóa I. Chúng ta đều biết, Bảo Đại đã học hầu hết các trường ở Pháp, trong đó có Trường Khoa học Chính trị. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời cụ Huỳnh Thúc Kháng - một vị trí thức nổi tiếng, mặc dù năm ấy đã 70 tuổi, từng đậu Giải nguyên kỳ thi hương năm Canh Tý (1900) và được xưng tụng là một trong *Tứ tuyệt* của đất Quảng Nam xưa, một con người mà chức vụ không thể lung lay, uy dũng không thể khuất phục, tiền bạc không thể mua chuộc, ra làm

việc cho Chính phủ. Sau hai lần mời, cụ Huỳnh đã nhận lời ra Hà Nội nhưng ra “để xem Hồ Chí Minh làm như thế nào rồi sẽ trở về”. Khi ra Hà Nội, trước sức hút của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Huỳnh đã ở lại nhận lời làm Bộ trưởng Nội vụ. Trong buổi trình diện các thành viên Chính phủ trước Quốc hội ngày 2-3-1946, Chủ tịch Chính phủ Hồ Chí Minh đã dành những lời lẽ tốt đẹp nhất để giới thiệu về cụ Huỳnh trước Quốc hội. Khi lên đường thăm Pháp năm 1946, dù có rất nhiều những người thân tín, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định trao Quyền Chủ tịch nước cho cụ Huỳnh. Khi trao cho cụ Huỳnh làm Quyền Chủ tịch nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng không dặn gì, vì vậy, khi tiễn Người ở sân bay Gia Lâm sang Pháp, cụ Huỳnh đã hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh: Cụ đi dài ngày như vậy, việc nước bọn bề giao cho tôi mà cụ không dặn lại điều gì tôi cũng thấy lo lo. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời cụ Huỳnh: Xin Cụ ở nhà hãy “Dĩ bất biến ứng vạn biến”. Trong bối cảnh “nước sôi lửa bỏng” và Chủ tịch Hồ Chí Minh đi Pháp dài ngày như vậy, Quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng đã hoàn thành xuất sắc trọng trách mà Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng và giao phó. Điều này không chỉ thể hiện sự tôn trọng, tin tưởng của Hồ Chí Minh đối với những trí thức lớn luôn toàn tâm, toàn ý vì đất nước, dân tộc và nhân dân mà còn khắc họa rõ nét nhất tư tưởng Hồ Chí Minh về sử dụng trí thức: *Đã dùng thì phải tin, phải tin mới dùng*.

Tư tưởng này sau đó cũng đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong trường hợp Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ông trước hết là một trí thức vì đã từng làm *Báo Tiếng Dân*

(8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 43

(9) *Văn kiện Đảng toàn tập*: Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, t. 7, tr. 149 - 150

ở Huế với cụ Huỳnh, ông là giáo sư sử học Trường Thăng Long. Khi nhận nhiệm vụ Tổng tư lệnh và đi chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách ứng xử khi gặp vấn đề khó khăn và đã được trả lời: Chú là tướng ở ngoài mặt trận, “Tướng quân tại ngoại”, nghĩa là được trao quyền quyết định tuyệt đối. Vì sự tin tưởng tuyệt đối này từ Chủ tịch Hồ Chí Minh nên Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có một quyết định lịch sử mà sau này ông gọi là quyết định khó khăn nhất trong đời cầm quân của ông: Kéo pháo ra chuẩn bị lại rồi mới kéo vào, gắn với chuyển từ phương châm *Đánh nhanh thắng nhanh* sang *Đánh chắc tiến chắc*, qua đó tiết kiệm biết bao xương máu của chiến sĩ, bảo đảm cho chiến thắng cuối cùng.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, rất nhiều quan lại, trí thức của triều đình phong kiến đi theo cách mạng, như các vị Bùi Bằng Đoàn (Thượng thư Bộ Hình triều Nguyễn); Phan Kế Toại (Khâm sai đại thần Bắc Bộ của Chính phủ Trần Trọng Kim); Phạm Khắc Hòe (Đồng lý Ngự tiền đức vua Bảo Đại); Tham tri Đặng Văn Hường; Vi Văn Định (cựu Tổng đốc Thái Bình); Hồ Đắc Diễm (cựu Tổng đốc Hà Đông); cụ Ứng Úy, thành viên hoàng tộc Nhà Nguyễn, thuộc hàng cha chú vua Khải Định; nhà Hán học nổi tiếng Bùi Kỳ; Phan Anh (Tổng trưởng Thanh niên Chính phủ Trần Trọng Kim)... Khi Ủy ban Dân tộc giải phóng tự cải tổ thành Chính phủ Lâm thời, ngoài những thành viên của Việt Minh, còn có những bộ trưởng là người không phải là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương, như Bộ trưởng Thanh niên Dương Đức Hiền (Đảng Dân chủ), Bộ trưởng Bộ Quốc dân Kinh tế Nguyễn Mạnh Hà (một người công giáo không đảng phái), Bộ trưởng Bộ Giao thông Công chính Đào Trọng Kim (không đảng phái), Bộ trưởng

Bộ Cứu tế Xã hội Nguyễn Văn Tố (không đảng phái)...

Trong Chính phủ Liên hiệp kháng chiến được lập ra ngày 2-3-1946, những đảng viên cao cấp của Đảng Cộng sản Đông Dương đã tự rút lui để nhường lại các ghế bộ trưởng cho các thành viên các chính đảng khác, cho các nhân sĩ, trí thức nổi tiếng vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc. Việt Minh chỉ nắm 4 ghế là Chủ tịch Chính phủ Hồ Chí Minh, Bộ trưởng Giáo dục Đặng Thai Mai, Bộ trưởng Tài chính Lê Văn Hiến và Chủ tịch Kháng chiến Ủy viên hội Võ Nguyên Giáp. Còn lại tất cả các chức vụ khác đều do các nhân sĩ trí thức hoặc của các chính đảng khác nắm, như Phó Chủ tịch Chính phủ Nguyễn Hải Thần (Việt Cách), cụ Huỳnh Thúc Kháng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nhân sĩ không đảng phái); Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Tường Tam (nhà văn Nhất Linh, Việt Quốc)... Quốc hội cũng thành lập *Cố vấn đoàn* do Cố vấn tối cao Vĩnh Thụy (tức cựu hoàng Bảo Đại) đảm nhiệm và Giám mục Lê Hữu Từ là thành viên.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám 1945, theo đề nghị của Bộ trưởng Nội vụ, sau khi tham khảo ý kiến nhiều nhân sĩ, trí thức, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thành lập Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch kiến thiết (gồm 50 thành viên là các trí thức, nhân sĩ nổi tiếng, các bộ trưởng và thứ trưởng) để nghiên cứu một kế hoạch kiến thiết quốc gia và dự thảo những đề án kiến thiết đệ trình lên Chính phủ. Rất nhiều các trí thức Tây học nổi tiếng đã từ bỏ cuộc sống giàu sang, phú quý nơi trời Tây hoặc hoàn cảnh sung sướng trong nước để tham gia kháng chiến, kiến quốc, như Trần Đại Nghĩa, Võ Đình Quỳnh, Võ Quý Huân, Trần Hữu Tước, Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường, Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng, Nguyễn Văn Huyền, linh mục Phạm Bá Trục, cụ Cao Triều Phát...

Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được bầu ra ngày 6-1-1946 có rất nhiều các vị đại biểu là những trí thức nổi tiếng. Khi ấy, Hà Nội có 7 đại biểu, ngoài Chủ tịch Hồ Chí Minh, 6 người khác còn lại đều là các trí thức nổi tiếng: Hoàng Văn Đức, Vũ Đình Hòe, Trần Duy Hưng, Nguyễn Văn Luyện, Nguyễn Thị Thục Viên, Chu Bá Phượng. Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn có 5 đại biểu cũng gồm những nhân sĩ, trí thức: Huỳnh Văn Tiêng, Lý Chính Thắng, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Văn Trán, Hoàng Đôn Văn. Ngoài ra, còn hàng loạt các tên tuổi trí thức nổi tiếng khác, như Lê Trung Đình (Thái Nguyên); Dương Đức Hiền, Nguyễn Huy Tường (Bắc Ninh); Đào Trọng Kim, Khuất Duy Tiến (Sơn Tây); Cù Huy Cận, Đỗ Đức Dục, Nguyễn Đỗ Cung, Bùi Bằng Đoàn, Hoàng Minh Giám, Hoàng Tích Trí (Hà Đông); Ngô Xuân Diệu (nhà thơ Xuân Diệu - Hải Dương); Bồ Xuân Luật, Nguyễn Mạnh Hà (Hưng Yên); Y Ngông Niê Kdăm (Đắk Lắk); Huỳnh Tấn Phát (Mỹ Tho); Phạm Văn Bạch (Bến Tre); Nguyễn Văn Hường (Long Xuyên); Trần Công Tường (Gò Công); Cao Triều Phát (Bạc Liêu)... Có thể khẳng định rằng, mặc dù khi người Pháp đô hộ, phần đông dân số Việt Nam mù chữ và mới chỉ thoát mù sau Bình dân học vụ của Chính phủ mới, nhưng Quốc hội khóa I đã quy tụ được đông đảo giới trí thức trong cả nước.

Nhận thức và chủ trương của Đảng ta về trí thức

Tư tưởng Hồ Chí Minh về trí thức được Đảng Cộng sản Việt Nam cụ thể hóa thành những chủ trương, đường lối trong những giai đoạn khác nhau.

Năm 1930, khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập đã thông qua *Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt* của Đảng, đây

là những bản Cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam và thể hiện rõ nhất tư tưởng của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, về quy tụ trí thức. *Sách lược vắn tắt* của Đảng đã ghi rõ: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh Niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”⁽¹⁰⁾.

Trước Đại hội II của Đảng năm 1951, mặc dù quan niệm về trí thức đã có sự thay đổi căn bản, nhất là từ khi Nguyễn Ái Quốc về nước và thành lập Mặt trận Việt Minh với tư tưởng đại đoàn kết dân tộc rộng rãi được ghi rõ trong Chương trình của Việt Minh; thế nhưng, để thay đổi một nhận thức đã ăn sâu, bám rễ trong nhiều đảng viên không phải dễ dàng. Có lẽ vì vậy mà trước Đại hội II, Đảng ta vẫn xếp thợ thuyền và nông dân là hai lực lượng chính của cách mạng Đông Dương. Những khúc mắc, xung đột giữa các cán bộ là trí thức và các nhà cách mạng xuất thân từ giới thợ thuyền đã có lúc đến mức gay gắt. Có lẽ vì vậy mà năm 1947, mặc dù trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Pháp đang ở thời kỳ gay go quyết liệt nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm nổi tiếng *Sửa đổi lối làm việc* để chấn chỉnh tư tưởng, nhận thức lệch lạc, nhất là trong vấn đề trí thức, trong đó có đoạn: “rất nhiều nhân tài ngoài Đảng. Chúng ta phải thật thà đoàn kết với họ, nâng đỡ họ. Phải thân thiết với họ, gần gũi họ, đem tài năng của họ giúp ích vào công cuộc kháng chiến cứu nước. Chúng ta phải tẩy sạch các bệnh kiêu ngạo, bệnh hẹp hòi, bệnh bao biện”. Đến Đại hội II của Đảng, vấn đề trí thức dần dần được gỡ ra,

(10) Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, 1998, t. 2, tr. 4

khi xác định trí thức là: “bạn đồng minh có thể tin cậy”.

Sau đó, quan điểm của Đảng về trí thức đã dần dần thay đổi theo hướng đánh giá đúng đắn vị trí, vai trò của trí thức qua Đại hội III (năm 1960), Đại hội IV (năm 1976), Đại hội V (năm 1982). Điều này cũng có cơ sở thực tế là qua thời gian, đội ngũ trí thức được đào tạo dưới sự lãnh đạo của Đảng đã từng bước trưởng thành, cả về chất và lượng, cả về tư tưởng chính trị. Đại hội VI của Đảng (năm 1986) mở ra thời kỳ đổi mới đất nước toàn diện, vì vậy, vấn đề trí thức đã dần dần được nhìn nhận sáng tỏ hơn. Đại hội định ra đường lối đổi mới toàn diện, thì vấn đề trí thức được thực sự mở ra với những điểm sáng mới. Văn kiện Đại hội VI của Đảng xác định: “Phá bỏ những quan niệm hẹp hòi, không thấy tầng lớp trí thức ngày nay là những người lao động xã hội chủ nghĩa, được Đảng giáo dục và lãnh đạo, ngày càng gắn bó chặt chẽ với công nhân và nông dân”⁽¹¹⁾. Đại hội VI cũng chính thức cam kết bảo đảm quyền tự do sáng tạo của trí thức: “Điều quan trọng nhất là bảo đảm quyền tự do sáng tạo. Đánh giá đúng năng lực và tạo điều kiện cho năng lực được sử dụng đúng và phát triển”⁽¹²⁾.

Sự nhìn nhận với tư cách là Đảng lãnh đạo về vấn đề trí thức Việt Nam đã được thể hiện với tư duy mới trong “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*” (Cương lĩnh năm 1991): “Đào tạo, bồi dưỡng và phát huy mọi tiềm năng của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước”⁽¹³⁾. Năm 2008, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06-8-2008, “*Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”, trong đó khẳng định: “Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công

nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế trí thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững”⁽¹⁴⁾.

Cùng với những quan điểm, chủ trương, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức trong nước, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách để thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài. Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 26-3-2004, của Bộ Chính trị về “*Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài*” quy định: “Có hình thức thích hợp tổ chức thu thập ý kiến của đồng bào ở nước ngoài trước khi ban hành các văn bản pháp quy, chính sách có liên quan nhiều tới người Việt Nam ở nước ngoài. Hoàn chỉnh và xây dựng mới hệ thống chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, phát huy sự đóng góp của trí thức kiều bào vào công cuộc phát triển đất nước. Xây dựng chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với những chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tư vấn về quản lý, điều hành, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cao cho đất nước, góp phần phát triển nền văn hóa, nghệ thuật của nước nhà. Xây dựng và hoàn thiện các chính sách tạo thuận lợi và khuyến khích các ngành, các trung tâm nghiên cứu khoa học -

(11), (12) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 115

(13) Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 15

(14) Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 90 - 91

công nghệ, văn hóa nghệ thuật, giáo dục - đào tạo, y tế, thể dục thể thao, các cơ sở sản xuất, dịch vụ... ở trong nước mở rộng hợp tác, thu hút, sử dụng chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia công việc ở trong nước, làm việc cho các chương trình, dự án hợp tác đa phương và song phương của Việt Nam với nước ngoài hoặc trong các tổ chức quốc tế có chỉ tiêu dành cho người Việt Nam và tư vấn trong các quan hệ giữa Việt Nam với đối tác nước ngoài”⁽¹⁵⁾.

Sau khi tổng kết thực hiện Nghị quyết này, ngày 19-5-2015, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Chỉ thị số 45-CT/TW “Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới” tiếp tục khẳng định nhất quán quan điểm tập hợp, tạo điều kiện thuận lợi để trí thức người Việt Nam ở nước ngoài cùng đóng góp tài trí xây dựng đất nước. Chỉ thị nêu rõ: “Thường xuyên tổ chức cho người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp ý kiến và tham gia vào các sự kiện chính trị - xã hội lớn của đất nước. Rà soát, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật tạo hành lang pháp lý thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài về đầu tư, sản xuất kinh doanh, góp phần vào thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ từ các nước vào Việt Nam và thúc đẩy xuất khẩu, hỗ trợ đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài. Có chính sách thu hút, sử dụng chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là trong các lĩnh vực thiết yếu, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽¹⁶⁾.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam hiện nay

Thực tiễn phát triển của thế giới đã chứng minh rằng, không phải tài nguyên thiên

hiên mà tri thức mới là nguồn của cải giá trị nhất thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, khi thế giới đang bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, vai trò của tri thức và vị trí của đội ngũ trí thức vẫn sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của đất nước. Để tập hợp, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay, đòi hỏi sự nỗ lực của Đảng, Nhà nước và từ chính tầng lớp trí thức. Ở đây chúng tôi chỉ xin đề xuất một số giải pháp từ phía chủ thể, tức từ phía Đảng và Nhà nước.

Một là, quán triệt đầy đủ, sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên, nhất là những người đứng đầu, những người giữ trọng trách cao trong bộ máy của Đảng và Nhà nước để thấm nhuần quan điểm sử dụng người tài, quan điểm về sử dụng trí thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh* hiện nay, cần lựa chọn, biên soạn và quy định toàn quốc triển khai chuyên đề về nội dung này. Các cơ quan của Đảng, Nhà nước cần chân thành lắng nghe các ý kiến phản biện của các trí thức về các vấn đề quốc kế dân sinh, miễn không phản bội, đi ngược lại quyền lợi tối thượng của quốc gia, dân tộc. Cùng cố, phát triển, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức thành viên Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các hội văn học, nghệ thuật Việt Nam từ Trung ương đến địa phương, tạo môi trường thật sự dân

(15) Các nghị quyết của Trung ương Đảng 2001 - 2004 (Sách phục vụ thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội X), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 358 - 359

(16) Các nghị quyết của Trung ương Đảng 2011 - 2015, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội 2016, tr. 447 - 448

Đội ngũ trí thức

chủ, lãnh mạnh phát huy năng lực sáng tạo và nâng cao phẩm chất đạo đức của đội ngũ trí thức.

Hai là, các cơ quan nhà nước các cấp cần phải cụ thể hóa nhanh chóng đưa các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về trí thức vào cuộc sống, như Kết luận số 86-KL/TW, ngày 24-01-2014, của Bộ Chính trị, *Về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ*; Quyết định số 418/QĐ-TTg, ngày 11-4-2012, của Thủ tướng Chính phủ, *Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020...* Nghiên cứu, ban hành các quy định bảo đảm môi trường dân chủ và tự do học thuật. Sửa đổi, quy định các tiêu chí cụ thể để tuyển chọn, đánh giá, sử dụng đội ngũ trí thức; tôn vinh xứng đáng các trí thức có đóng góp thiết thực cho cộng đồng, xã hội.

Ba là, đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ trí thức. Trao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục, đào tạo trong công tác đào tạo để họ tự chịu trách nhiệm về uy tín và sản phẩm của mình. Siết chặt công tác đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ; nghiên cứu tiến tới giao quyền cho các cơ sở giáo dục và đào tạo trong việc phong học hàm giáo sư, phó giáo sư, để cho xã hội tự đánh giá chất lượng giáo sư, phó giáo sư của các trường; tiến tới xóa bỏ việc coi các học hàm này có giá trị suốt đời. Nhà nước cần đầu tư ngân sách, tuyển chọn nhiều hơn nữa học sinh, sinh viên và cả thạc sĩ, tiến sĩ gửi đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài. Chú trọng hoàn thiện cơ chế, chính sách để đội ngũ trí thức phát triển bằng chính phẩm chất, tài năng; sống được bằng nghề; được trả công xứng đáng từ sáng tạo và đóng góp của mình.

Bốn là, thu hút và trọng dụng trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài. Hiện nay, người Việt Nam hiện đang sinh sống ở

gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong số người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài, có khoảng hơn 400.000 người có trình độ cao, trong đó có tới hơn 6.000 tiến sĩ và hàng trăm trí thức tên tuổi được đánh giá cao. Rất nhiều trí thức người Việt ở nước ngoài hiện rất tâm huyết và mong muốn đóng góp cho đất nước. Vì vậy, các cơ quan có trách nhiệm cần nhanh chóng cụ thể hóa, sửa đổi các chính sách để tạo điều kiện thuận lợi thu hút đội ngũ trí thức người Việt Nam ở nước ngoài, như các chính sách về quốc tịch, nhà ở, đặc biệt là môi trường làm việc...

Năm là, mở các diễn đàn để lắng nghe trí thức góp ý, tránh thành kiến, chụp mũ. Ngày 28-7-2017, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã thành lập Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng bao gồm 15 thành viên, với nhiệm vụ tư vấn cho Thủ tướng các vấn đề về phát triển kinh tế. Các thành viên Tổ tư vấn, ngoài các chuyên gia kinh tế hàng đầu trong nước còn có 5 thành viên là các chuyên gia kinh tế từ các nước Mỹ, Nhật Bản, Pháp, Xin-ga-po. Đây có thể xem là hình thức quy tụ trí thức để lắng nghe ý kiến tư vấn. Tuy nhiên, các thành viên Tổ tư vấn kinh tế này chủ yếu tư vấn về các vấn đề phát triển kinh tế. Đất nước Việt Nam hôm nay cần phát triển kinh tế nhưng cũng cần chấn hưng các mặt văn hóa - xã hội và tất cả các lĩnh vực khác. Vì vậy, Đảng và Nhà nước cần thành lập một Hội đồng quốc gia để tư vấn cho Đảng, Nhà nước về mọi lĩnh vực. Tất nhiên, Hội đồng này không phải là một cơ quan quyền lực mà là cơ quan tư vấn. Hội đồng này, theo chúng tôi, ít nhất phải từ 50 thành viên trở lên và nhiều nhất không quá 100 thành viên. Thành viên của Hội đồng phải là những trí thức nổi tiếng là người Việt Nam ở trong và ngoài nước không phân biệt dân tộc, tôn giáo, trong Đảng hay ngoài Đảng. □